



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ IV NĂM 2024
Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

NỘI DUNG**TRANG**

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (mẫu số B01 – DN)	3-4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mẫu số B02 – DN)	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03 – DN)	6-7
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (mẫu số B09 – DN)	8-38

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.828.409.336.521	2.481.872.459.774
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32.650.313.710	15.350.092.545
1. Tiền	111		32.650.313.710	15.260.092.545
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	90.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		823.894.128.421	894.439.066.503
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	188.618.877.536	226.075.494.835
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	360.032.883.088	356.455.485.131
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	2.300.000.000	2.300.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	337.202.913.451	374.338.632.191
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(64.260.545.654)	(64.730.545.654)
IV. Hàng tồn kho	140		1.894.986.503.540	1.522.206.714.492
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1.894.986.503.540	1.522.206.714.492
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		67.878.390.850	49.876.586.234
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	3.190.900	16.669.391
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		67.545.252.282	49.789.201.062
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		329.947.668	70.715.781
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.668.820.230.787	4.150.310.326.994
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.406.523.079.040	2.030.029.080.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	346.187.685.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	2.060.335.394.040	2.030.029.080.000
II. Tài sản cố định	220		66.309.027.497	69.434.196.531
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	48.702.205.660	51.827.374.694
- Nguyên giá	222		66.762.680.322	70.088.494.867
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.060.474.662)	(18.261.120.173)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	17.606.821.837	17.606.821.837
- Nguyên giá	228		17.875.921.837	17.875.921.837
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(269.100.000)	(269.100.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		2.951.687.587	3.100.666.467
- Nguyên giá	231		3.385.348.347	3.385.348.347
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(433.660.760)	(284.681.880)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.797.288.398.932	1.653.623.647.376
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.797.288.398.932	1.653.623.647.376
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	154.664.191.980	158.042.500.226
1. Đầu tư vào công ty con	251		196.642.481.667	196.642.481.667
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.579.636.245	4.579.636.245
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.150.000.000	16.150.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(62.707.925.932)	(59.329.617.686)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		241.083.845.751	236.080.236.394
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	236.566.910.308	230.953.860.533
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.516.935.443	5.126.375.861
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.497.229.567.308	6.632.182.786.768

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.706.884.916.264	4.854.142.489.952
I. Nợ ngắn hạn	310		2.379.607.855.882	2.042.223.647.030
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	61.623.274.956	94.889.154.572
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	19.053.061.597	18.391.401.597
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	11.218.434.642	56.032.367.624
4. Phải trả người lao động	314		3.039.643.120	2.348.185.840
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	45.425.830.284	57.219.833.455
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	328.953.492.848	516.084.779.131
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	1.705.817.291.493	1.090.663.659.134
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17	202.879.240.867	202.879.240.867
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.597.586.075	3.715.024.810
II. Nợ dài hạn	330		3.327.277.060.382	2.811.918.842.922
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	640.647.060.382	299.822.842.922
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	2.686.630.000.000	2.512.096.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.790.344.651.044	1.778.040.296.816
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	1.790.344.651.044	1.778.040.296.816
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.004.756.560.000	1.004.756.560.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.004.756.560.000	1.004.756.560.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		207.059.165.444	207.059.165.444
3. Cổ phiếu quỹ	415		(7.087.077.763)	(7.087.077.763)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		585.616.003.363	573.311.649.135
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		570.268.218.545	552.167.488.147
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		15.347.784.818	21.144.160.988
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.497.229.567.308	6.632.182.786.768

Nguyễn Trần Phương Uyên
Người lập biểu

Nguyễn Văn Minh
Kế toán trưởng


Nguyễn Bá Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 22 tháng 01 năm 2025


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG


Mẫu số B02-DN

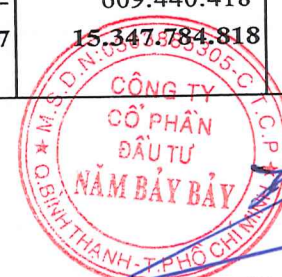
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.874.527.712	67.334.638.755	45.221.137.765	263.651.239.060
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		6.874.527.712	67.334.638.755	45.221.137.765	263.651.239.060
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5.136.972.541	55.989.064.759	24.808.709.961	132.098.853.186
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.737.555.171	11.345.573.996	20.412.427.804	131.552.385.874
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	94.902.834.315	210.072.205.465	315.548.248.649	352.773.068.868
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	64.985.520.321	148.838.057.638	255.240.108.904	337.585.947.127
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		64.752.685.607	106.600.264.821	249.242.812.382	261.387.241.081
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	189.531.071	382.917.863	1.096.994.401	1.329.151.640
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	(572.681.189)	25.010.061.917	4.737.528.567	43.169.053.875
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		32.038.019.283	47.186.742.043	74.886.044.581	102.241.302.100
11. Thu nhập khác	31	VI.7	486.468.345	18.084.001.079	2.024.362.857	18.248.031.900
12. Chi phí khác	32	VI.8	20.379.586.587	30.301.042.142	50.571.694.360	64.512.279.124
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(19.893.118.242)	(12.217.041.063)	(48.547.331.503)	(46.264.247.224)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.144.901.041	34.969.700.980	26.338.713.078	55.977.054.876
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	4.212.460.183	28.598.928.093	10.381.487.842	35.498.788.329
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		890.000.000	-	609.440.418	(665.894.441)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		7.042.440.858	6.370.772.887	15.347.784.818	21.144.160.988


 Nguyễn Trần Phương Uyên
 Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 22 tháng 01 năm 2025


 Nguyễn Văn Minh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Bá Lân
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	26.338.713.078	55.977.054.876
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02	2.971.817.716	3.827.752.543
Các khoản dự phòng	03	2.908.308.246	33.739.823.009
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(315.245.918.451)	(220.705.796.138)
Chi phí lãi vay	06	249.242.812.382	261.387.241.081
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(33.784.267.029)	134.226.075.371
Giảm các khoản phải thu	09	214.918.726.152	349.599.555.723
Tăng hàng tồn kho	10	(378.215.680.078)	(119.385.285.735)
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(252.685.748.529)	(239.176.157.492)
Tăng chi phí trả trước	12	(5.599.571.284)	(116.840.223.387)
Tiền lãi vay đã trả	14	(244.844.723.704)	(401.357.604.989)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(23.482.912.668)	(94.812.726.932)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.277.438.735)	(4.150.394.516)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(728.971.615.875)	(491.896.761.957)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.741.204.903)	(39.400.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.472.350.000	40.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(692.500.000.000)	(1.331.415.824.648)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	137.912.315.000	889.988.925.578
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(85.000.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	321.207.082.842	218.894.567.069
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(237.649.457.061)	(267.571.732.001)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.870.415.796.335	2.890.044.669.936
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.886.494.502.234)	(2.126.670.962.426)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	983.921.294.101	763.373.707.510
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	17.300.221.165	3.905.213.552
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	15.350.092.545	11.444.878.993
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	32.650.313.710	15.350.092.545

Nguyễn Trần Phương Uyên
Người lập biểu

Nguyễn Văn Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 22 tháng 01 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003556 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 7 năm 2005 và được cập nhật thay đổi lần thứ 19 ngày 18 tháng 12 năm 2024.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.004.756.560.000 đồng, được chia thành 100.475.656 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại tòa nhà CII Tower, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: NBB.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh của Công ty: 577 Investment Corporation.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình giao thông, công trình dân dụng, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị, khai thác và chế biến khoáng sản.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư và kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên công ty	31/12/2024		01/01/2024		Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)		
Các công ty con						
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	Tỉnh Quảng Ngãi	Khai thác khoáng sản, sản xuất đá, xây dựng
2. Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	95,0%	95,0%	95,0%	95,0%	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	90,0%	90,0%	90,0%	90,0%	Tỉnh Quảng Ngãi	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
4. Công ty TNHH Hương Trà	99,0%	99,0%	99,0%	99,0%	Tỉnh Quảng Ngãi	Quản lý điều hành và kinh doanh Mô nước khoáng Trà Bồng
Công ty liên doanh, liên kết						
1. Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	49,0%	49,0%	49,0%	49,0%	Tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Bình Thuận, đăng ký tại Tổ 2, Thôn Phước Hải, Xã Tân Phước, Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận.
- Chi nhánh Tây Nam, đăng ký tại 444 đường Ninh Bình, Khu dân cư Phường 2, Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
- Chi nhánh Miền Bắc, đăng ký tại Tầng 2, Biệt thự A29, Lô BT-A3, Khu biệt thự Đồi Thùý Sần, Khu 9B, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
- Chi nhánh Quảng Ngãi, đăng ký tại 364 Võ Nguyên Giáp, Phường Trương Quang Trọng, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Phải thu về cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng hóa bất động sản

Hàng hóa bất động sản của Công ty bao gồm các bất động sản được mua hoặc xây dựng để bán trong năm hoạt động kinh doanh bình thường, được ghi nhận trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng; chi phí xây dựng và các khoản chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí quản lý xây dựng và các khoản chi phí liên quan khác (nếu có) để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Hàng tồn kho (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và chương trình phần mềm.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa lô đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không phải trích khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Nguyên giá của chương trình phần mềm bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Phần mềm của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị đầu tư phòng tập gym tại dự án Diamond Riverside, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phòng tập gym	20

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động.

Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính riêng.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi không còn được nắm giữ lâu dài và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Doanh thu từ việc bán bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận là giá vốn trong năm bán bất động sản đầu tư.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ hoặc khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Nếu bên nhận đầu tư là đối tượng lập Báo cáo tài chính riêng thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính riêng

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí nhà mướn và hoa hồng môi giới bán bất động sản; phí cam kết rút vốn và công cụ dụng cụ xuất dùng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản trả trước(tiếp theo)

Chi phí nhà mẫu và hoa hồng môi giới bán bất động sản được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào kết quả kinh doanh theo tỷ lệ doanh thu của các dự án khi Công ty bàn giao bất động sản cho khách hàng.

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa không quá 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi một trong số các bên. Lợi nhuận được phân chia từ BCC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Trái phiếu

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Công ty phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong kỳ theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong năm.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)
Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Đối với bất động sản phân lô bán nền, nếu đã chuyển giao nền đất cho khách hàng (không phụ thuộc đã làm xong thủ tục pháp lý về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa) và hợp đồng không hủy ngang, chủ đầu tư được ghi nhận doanh thu đối với nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- (a) Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (c) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất; và
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư

Doanh thu từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư được xác định là giá trị ghi trên hợp đồng chuyển nhượng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện. Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch mà không có nghĩa vụ phải hoàn trả lại trong bất cứ tình huống nào.

Ghi nhận giá vốn

Bất động sản đã chuyển nhượng

Giá vốn của hàng hóa bất động sản đã chuyển nhượng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận giá vốn (tiếp theo)

Hàng hóa và dịch vụ khác

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí hợp tác kinh doanh/hợp tác đầu tư dự án

Đối với các hợp đồng hợp tác đầu tư dự án bất động sản mà Công ty là bên kiểm soát các hoạt động và tài sản của dự án, các khoản lợi nhuận phân chia cho đối tác theo quyết toán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. TIỀN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	312.250.033	82.330.748
Tiền gửi ngân hàng	3.758.063.677	15.177.761.797
Các khoản tương đương tiền	28.580.000.000	90.000.000
Cộng	32.650.313.710	15.350.092.545

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu về chuyển nhượng bất động sản	183.604.048.063	217.315.988.063
Dự án Khu căn hộ Cao tầng Diamond Riverside	140.692.590.116	140.692.590.116
Dự án Khu biệt thự Đồi Thủy Sơn - Quảng Ninh	18.150.295.473	20.325.295.473
Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	24.761.162.474	56.298.102.474
Phải thu về chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác	1.700.000.000	5.500.000.000
<i>Công ty CP Tư vấn Đầu tư Việt Thành</i>	-	3.800.000.000
<i>Công ty TNHH Nhà Thép Trí Việt</i>	1.700.000.000	1.700.000.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.314.829.473	3.259.506.772
Cộng	188.618.877.536	226.075.494.835

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	57.473.233.741	82.035.956.810
Công Ty TNHH Một Thành Viên NBB Quảng Ngãi	12.530.879.065	-
	70.004.112.806	82.035.956.810
Nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa Ốc	191.784.271.900	191.784.271.900
Công ty CP Xây dựng Dân Dụng E&C	40.447.883.701	40.447.883.701
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ái Nghĩa	20.604.814.204	20.604.814.204
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Lập Việt	8.022.139.000	-
Các đối tượng trả trước khác	29.169.661.477	21.582.558.516
	290.028.770.282	274.419.528.321
Cộng	360.032.883.088	356.455.485.131

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng E&C	2.300.000.000	2.300.000.000
Cộng	2.300.000.000	2.300.000.000
b. Dài hạn		
Bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (*)	346.187.685.000	-
Cộng	346.187.685.000	-

(*) Đây là khoản hợp tác với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm ("Công ty Khu Bắc Thủ Thiêm") triển khai hoạt động kinh doanh tại các dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm. Tại ngày 31/12/2024 số tiền góp vốn của Công ty NBB tại Công ty Khu Bắc Thủ Thiêm là 346.187.685.000 đồng.

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng	196.077.214.503	150.244.084.533
Các khoản hỗ trợ vốn	33.513.883.772	44.374.059.496
Các khoản đặt cọc, cầm cố và ký quỹ	6.960.000.000	103.965.000.000
Vốn hợp tác đầu tư	31.958.872.221	-
Lãi phải thu đối với các khoản hỗ trợ vốn và hợp tác đầu tư	49.109.343.856	54.768.178.049
Các khoản phải thu khác	19.583.599.099	20.987.310.113
Cộng	337.202.913.451	374.338.632.191
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ, đặt cọc	23.168.800.000	22.539.080.000
Phải thu vốn góp hợp tác đầu tư (*)	2.007.490.000.000	2.007.490.000.000
<i>Trừ: số phải thu trong 12 tháng tới</i>	<i>(24.492.000.000)</i>	-
Lãi phải thu đối với các khoản hỗ trợ vốn và hợp tác đầu tư	54.168.594.040	-
Cộng	2.060.335.394.040	2.030.029.080.000

(*)

- Đây là khoản hợp tác với Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII") về việc đầu tư kinh doanh phân chia lợi nhuận từ Cao ốc 152 Điện Biên Phủ với số tiền 1.150 tỷ đồng.
- Đây là khoản hợp tác với Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc hợp tác đầu tư dự án Xa Lộ Hà Nội với số tiền 857,49 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	11.736.853.384	-	-	-
Bất động sản xây dựng dở dang (*)	1.837.561.008.629	-	1.506.822.832.965	-
Bất động sản hoàn thành	15.383.881.527	-	15.383.881.527	-
Hàng hóa bất động sản	30.304.760.000	-	-	-
Cộng	1.894.986.503.540	-	1.522.206.714.492	-

(*) Bất động sản dở dang thể hiện chi phí đầu tư và phát triển của các dự án như sau:

Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	635.711.748.934	-	605.263.670.716	-
Dự án khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư DeLagi	1.145.582.639.424	-	845.292.541.978	-
Dự án Khu căn hộ Cao tầng Diamond Riverside	22.817.075.551	-	22.817.075.551	-
Dự án Khu đô thị Sinh thái Đồn điền Hạ Long	27.996.328.839	-	27.996.328.839	-
Chi phí dở dang của các dự án khác	5.453.215.881	-	5.453.215.881	-
Cộng	1.837.561.008.629	-	1.506.822.832.965	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Các khoản chi phí khác	3,190,900	16,669,391
	3,190,900	16,669,391
b. Dài hạn		
Chi phí môi giới bất động sản	103,454,109,092	103,454,109,092
Chi phí mua lại quyền tham gia dự án Sơn Tịnh	112,297,543,664	114,916,531,940
Chi phí nhà mẫu	9,889,003,446	9,950,458,276
Chi phí sửa chữa văn phòng	1,800,254,352	2,331,509,716
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	201,999,754	301,251,509
Các khoản chi phí khác	8,924,000,000	-
	236,566,910,308	230,953,860,533
Tổng cộng chi phí trả trước	236,570,101,208	230,970,529,924

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2024 VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	32.332.860.872	3.601.180.396	35.891.489.518	42.551.750
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.249.786.214	10.381.487.842	23.482.912.668	3.148.361.388
Thuế thu nhập cá nhân	1.452.031.163	3.607.038.408	4.160.255.471	898.814.100
Các khoản khác	5.997.689.375	16.973.749.799	15.842.731.770	7.128.707.404
Cộng	56.032.367.624	34.563.456.445	79.377.389.427	11.218.434.642

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2024	52.432.640.211	1.502.103.442	15.039.587.668	1.114.163.546	70.088.494.867
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.287.623.636)	(38.190.909)	(3.325.814.545)
Tại ngày 31/12/2024	52.432.640.211	1.502.103.442	11.751.964.032	1.075.972.637	66.762.680.322
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2024	4.333.069.809	1.248.779.655	11.793.062.538	886.208.171	18.261.120.173
Khấu hao trong năm	1.523.845.386	82.947.509	1.110.327.464	105.718.477	2.822.838.836
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.989.289.325)	(34.195.022)	(3.023.484.347)
Tại ngày 31/12/2024	5.856.915.195	1.331.727.164	9.914.100.677	957.731.626	18.060.474.662
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2024	48.099.570.402	253.323.787	3.246.525.130	227.955.375	51.827.374.694
Tại ngày 31/12/2024	46.575.725.016	170.376.278	1.837.863.355	118.241.011	48.702.205.660

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2024	17.606.821.837	269.100.000	17.875.921.837
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	17.606.821.837	269.100.000	17.875.921.837
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2024	-	269.100.000	269.100.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	-	269.100.000	269.100.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	17.606.821.837	-	17.606.821.837
Tại ngày 31/12/2024	17.606.821.837	-	17.606.821.837

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự án đầu tư bất động sản NBB Garden III	926.367.298.820	851.376.014.572
Dự án đầu tư bất động sản NBB II	865.179.895.209	802.247.632.804
Dự án khác	5.741.204.903	-
Cộng	1.797.288.398.932	1.653.623.647.376

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2024			01/01/2024		
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a. Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	95%	57.615.315.000	-	95,0%	57.615.315.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	90%	34.227.166.667	(34.227.166.667)	90,0%	34.227.166.667	(34.227.166.667)
Công ty TNHH Hương Trà	99%	19.800.000.000	(3.934.260.139)	99,0%	19.800.000.000	(3.934.260.139)
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	100%	85.000.000.000	(19.966.862.881)	100,0%	85.000.000.000	(16.588.554.635)
		196.642.481.667	(58.128.289.687)		196.642.481.667	(54.749.981.441)
b. Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	49%	4.579.636.245	(4.579.636.245)	49,0%	4.579.636.245	(4.579.636.245)
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	9,5%	16.150.000.000	-	9,5%	16.150.000.000	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(62.707.925.932)			(59.329.617.686)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Bên liên quan				
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	5.246.177.035	5.246.177.035	17.951.716.746	17.951.716.746
Công ty TNHH Một Thành Viên NBB Quảng Ngãi	-	-	5.488.366.804	5.488.366.804
Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Hùng Thanh	-	-	734.176.662	734.176.662
Công ty TNHH Đầu tư cao ốc Điện Biên Phủ	-	-	28.886.524	28.886.524
Công ty TNHH Dịch vụ Hạ tầng CII	13.443.885	13.443.885	13.443.885	13.443.885
	5.259.620.920	5.259.620.920	24.216.590.621	24.216.590.621
Các nhà cung cấp khác				
Công ty Cổ phần Sài Gòn Xây Dựng	29.685.720.696	29.685.720.696	34.185.720.696	34.185.720.696
Các nhà cung cấp khác	26.677.933.340	26.677.933.340	36.486.843.255	36.486.843.255
	56.363.654.036	56.363.654.036	70.672.563.951	70.672.563.951
Cộng	61.623.274.956	61.623.274.956	94.889.154.572	94.889.154.572

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Nhận tiền trước của khách hàng nhận chuyển nhượng Bất động sản	19.053.061.597	18.391.401.597
<i>Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi</i>	<i>16.030.430.366</i>	<i>15.368.770.366</i>
<i>Dự án Khu dân cư Phường 2, Bạc Liêu</i>	<i>3.022.631.231</i>	<i>3.022.631.231</i>
Cộng	19.053.061.597	18.391.401.597

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí lãi vay	41.004.861.216	52.339.449.522
Chi phí xây dựng	4.309.769.068	4.079.423.182
Các khoản chi phí phải trả khác	111.200.000	800.960.751
Cộng	45.425.830.284	57.219.833.455

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Tiền nhận giữ chỗ, đặt cọc từ khách hàng	125.651.559.800	147.555.048.800
Quỹ bảo trì phải trả	34.889.547.736	42.389.547.736
Tiền nhận hỗ trợ vốn kinh doanh	19.034.533.635	19.040.942.635
Lãi vay phải trả	16.319.035.830	11.261.424.007
Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư	500.000.000	290.766.338.258
Lãi phải trả hợp tác đầu tư	129.502.731.944	2.072.688.144
Các khoản phải trả khác	3.056.083.903	2.998.789.551
Cộng	328.953.492.848	516.084.779.131
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	5.815.497.335	6.409.888.335
Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	535.000.000.000	209.314.068.524
Lãi phải trả khoản hỗ trợ vốn và hợp tác đầu tư	99.831.563.047	84.098.886.063
Cộng	640.647.060.382	299.822.842.922

(*)

- Là khoản hợp tác đầu tư dự án DeLagi của Công ty CPĐT Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM ("Công ty CII"), thời gian hợp tác đến 13 tháng 12 năm 2030. Tại ngày 31/12/2024 số tiền góp vốn hợp tác đầu tư của Công ty CII tại Công ty NBB là 485 tỷ đồng.

- Là khoản hợp tác đầu tư phát triển khu đất tại Phường 16, Quận 8, TP.HCM của Công ty CPĐT Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM ("Công ty CII"). Tại ngày 31/12/2024 số tiền góp vốn hợp tác đầu tư của Công ty CII tại Công ty NBB là 50 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền sử dụng đất của Dự án Diamond Riverside (*)	201.000.000.000	201.000.000.000
Chi phí dự án phải trả	<u>1.879.240.867</u>	<u>1.879.240.867</u>
Cộng	<u>202.879.240.867</u>	<u>202.879.240.867</u>

(*) Công ty đang thực hiện trích trước khoản chi phí sử dụng đất phải trả cho Dự án khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside. Đến ngày lập Báo cáo này, Công ty vẫn chưa thể quyết toán tiền sử dụng đất để xác định chính xác số tiền phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2024		Phát sinh trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn						
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	-	-	-	1,350,000,000	1,350,000,000	1,350,000,000
Ngân hàng HDBank	-	-	500,000,000	500,000,000	-	-
Công ty Cổ phần xây dựng Hạ tầng CII	4,000,000,000	4,000,000,000	7,800,000,000	3,800,000,000	-	-
Các khoản vay cá nhân	344,662,291,493	344,662,291,493	11,605,796,335	238,108,478,279	571,164,973,437	571,164,973,437
Công ty CII	1,324,089,000,000	1,324,089,000,000	2,122,910,000,000	798,821,000,000	-	-
<i>Cộng: Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả</i>	<i>33,066,000,000</i>	<i>33,066,000,000</i>			<i>518,148,685,697</i>	<i>518,148,685,697</i>
Cộng	1,705,817,291,493	1,705,817,291,493	2,142,815,796,335	1,042,579,478,279	1,090,663,659,134	1,090,663,659,134
b. Vay dài hạn						
Ngân hàng Vietcombank- CN Nam Bình Dương	-	-	-	507,200,685,697	507,200,685,697	507,200,685,697
Ngân hàng HDBank	207,600,000,000	207,600,000,000	207,600,000,000	-	-	-
Ngân hàng VPBank	681,094,000,000	681,094,000,000	-	4,898,000,000	685,992,000,000	685,992,000,000
Ngân hàng Vietinbank- CN 11	891,002,000,000	891,002,000,000	-	6,050,000,000	897,052,000,000	897,052,000,000
Công ty CII	-	-	-	940,000,000,000	940,000,000,000	940,000,000,000
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ CII	940,000,000,000	940,000,000,000	940,000,000,000	-	-	-
<i>Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới</i>	<i>(33,066,000,000)</i>	<i>(33,066,000,000)</i>			<i>(518,148,685,697)</i>	<i>(518,148,685,697)</i>
Cộng	2,686,630,000,000	2,686,630,000,000	1,147,600,000,000	1,458,148,685,697	2,512,096,000,000	2,512,096,000,000
Tổng cộng khoản vay	4,392,447,291,493	4,392,447,291,493	3,290,415,796,335	2,500,728,163,976	3,602,759,659,134	3,602,759,659,134

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
a. Vay ngắn hạn					
Công ty Cổ phần xây dựng Hạ tầng CII	4,000,000,000	Đến ngày 30/05/2025	10%	Bổ sung vốn lưu động và phục vụ cho hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
Nhiều cá nhân	344,662,291,493	Từ 1 đến 2 năm hoặc một thời hạn thỏa thuận khác	8-9%	Bổ sung vốn lưu động và phục vụ cho hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	1,324,089,000,000	Đến ngày 23/02/2025	12.0%	Hợp tác đầu tư dự án DeLagi	Hợp tác đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2024/HĐHT-CII ngày 10/1/2024. Công ty CII được phân chia lợi ích theo thỏa thuận hợp đồng.
b. Vay dài hạn					
Ngân hàng HDBank	207,600,000,000	36 tháng, đáo hạn ngày 18/12/2027	11.5%	Thanh toán nợ vay/bù đắp nợ vay đã thanh toán theo hợp đồng vay vốn để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh.	Toàn bộ quyền khai thác, quản lý, lợi ích từ dự án NBB Garden III
Ngân hàng VPBank	681,094,000,000	86 tháng, đáo hạn ngày 25/09/2030	10.2%	Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng dòng tiền cho Công ty CII.	Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng chuyển nhượng khoản tiền được phân chia trong tương lai từ dự án Xa lộ Hà Nội.
Ngân hàng Vietinbank- CN 11	891,002,000,000	180 tháng, đáo hạn ngày 16/06/2038	10.0%	Bù đắp nguồn vốn thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CII.	- Toàn bộ quyền khai thác, quản lý, lợi ích từ dự án De Lagi, Bình Thuận. - Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng hợp tác dự án đầu tư xây dựng Cao ốc văn phòng tại 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, HCM giữa NBB và CII.
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ CII	940,000,000,000	60 tháng, đáo hạn ngày 20/11/2028	9.6%	Hoàn vốn cho các khoản đầu tư tài sản, các dự án bất động sản đang được đầu tư và phát triển của Công ty.	Không có tài sản đảm bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	1.004.756.560.000	207.059.165.444	(7.087.077.763)	552.407.628.851	1.757.136.276.532
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	21.144.160.988	21.144.160.988
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(240.140.704)	(240.140.704)
Tại ngày 01/01/2024	1.004.756.560.000	207.059.165.444	(7.087.077.763)	573.311.649.135	1.778.040.296.816
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	15.347.784.818	15.347.784.818
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.043.430.590)	(3.043.430.590)
Tại ngày 31/12/2024	1.004.756.560.000	207.059.165.444	(7.087.077.763)	585.616.003.363	1.790.344.651.044

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Doanh thu từ kinh doanh bất động sản	2.800.595.709	64.590.115.138	36.814.459.671	257.182.492.405
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.073.932.003	2.744.523.617	8.406.678.094	6.468.746.655
Cộng	6.874.527.712	67.334.638.755	45.221.137.765	263.651.239.060

2. GIÁ VỐN BÁN HÀNG

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Giá vốn bất động sản	2.365.203.132	54.316.784.503	20.148.948.827	128.762.538.429
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	2.771.769.409	1.672.280.256	4.659.761.134	3.336.314.757
Cộng	5.136.972.541	55.989.064.759	24.808.709.961	132.098.853.186

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Lãi từ các khoản hợp tác đầu tư, hỗ trợ vốn và lãi tiền gửi	94.902.834.315	59.882.205.465	315.263.248.649	201.728.068.868
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án	-	150.000.000.000	-	150.000.000.000
Cổ tức được chia	-	190.000.000	285.000.000	1.045.000.000
Cộng	94.902.834.315	210.072.205.465	315.548.248.649	352.773.068.868

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Chi phí lãi vay	64.752.685.607	106.600.264.821	249.242.812.382	261.387.241.081
Chi phí hợp tác đầu tư dự án	-	20.476.309.292	-	54.437.222.521
Phân bổ quyền tham gia dự án Sơn Tịnh	205.665.398	5.172.928.890	2.618.988.276	5.172.928.890
Dự phòng đầu tư tài chính	27.169.316	16.588.554.635	3.378.308.246	16.588.554.635
Cộng	64.985.520.321	148.838.057.638	255.240.108.904	337.585.947.127

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Chi phí bằng tiền khác	189.531.071	382.917.863	1.096.994.401	1.329.151.640
Cộng	189.531.071	382.917.863	1.096.994.401	1.329.151.640

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Chi phí nhân viên quản lý	614.055.802	7.904.243.931	3.491.300.417	17.671.130.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.914.407	600.399.146	277.623.605	2.589.820.456
Chi phí dự phòng	(1.450.000.000)	14.606.987.299	(470.000.000)	17.151.268.374
Chi phí khác	209.348.602	1.898.431.541	1.438.604.545	5.756.834.805
Cộng	(572.681.189)	25.010.061.917	4.737.528.567	43.169.053.875

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

7. THU NHẬP KHÁC

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Thu nhập từ nhượng bán tài sản	-	17.932.727.270	1.144.724.689	17.932.727.270
Các khoản thu nhập khác	486.468.345	151.273.809	879.638.168	315.304.630
Cộng	486.468.345	18.084.001.079	2.024.362.857	18.248.031.900

8. CHI PHÍ KHÁC

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Lãi chậm nộp thuế, vi phạm hành chính	2.770.384.052	14.889.709.549	13.885.393.594	19.288.647.836
Các khoản phạt do vi phạm hợp đồng	17.211.218.894	7.983.868.997	35.841.132.687	36.820.752.681
Các khoản chi phí khác	397.983.641	7.427.463.596	845.168.079	8.402.878.607
Cộng	20.379.586.587	30.301.042.142	50.571.694.360	64.512.279.124

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

9. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế TNDN hiện hành của Công ty mẹ là 20% lợi nhuận chịu thuế.

	Từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.338.713.078	55.977.054.876
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	<i>15.935.172.715</i>	<i>129.626.330.192</i>
<i>Cộng: Điều chỉnh tăng doanh thu tính thuế</i>	<i>-</i>	<i>2.251.090.847</i>
<i>Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(190.000.000)</i>	<i>(8.545.000.000)</i>
Thu nhập chịu thuế	42.083.885.793	179.309.475.915
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.381.487.842	35.861.895.183
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	-	(363.106.854)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.381.487.842	35.498.788.329

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và được trình bày phân loại theo thông tư 200.

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Sản xuất Hùng Thanh	Công ty con
Công ty TNHH Hương Trà	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty CPĐT Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (Gọi tắt là "Công ty CII")	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Hạ Tầng CII	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R)	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng xa lộ Hà Nội	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh địa ốc Lữ Gia	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ CII	Bên liên quan của Công ty CII

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong năm, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
Công ty CPĐT Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (Gọi tắt là "Công ty CII")		
Nhận chuyển nhượng khoản tiền được phân chia trong tương lai tự án đầu tư	-	857.490.000.000
Lợi nhuận phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư dự án	237.873.000.000	169.978.000.000
Nhận vốn góp hợp tác đầu tư dự án	2.122.910.000.000	45.360.000.000
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	798.821.000.000	402.664.068.524
Hoàn trả hỗ trợ vốn thông qua cản trừ công nợ	940.000.000.000	-
Chi phí phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư	129.502.731.944	9.593.400.454
Chi phí sử dụng vốn phát sinh	85.542.575.343	9.344.330.170
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII E&C		
Chi phí thi công dự án	165.979.881.463	53.167.286.677
Cung cấp thiết bị	11.736.853.384	-
Nhận vốn góp hợp tác đầu tư	35.000.000.000	943.137.000.000
Hoàn trả vốn góp hợp tác đầu tư	325.766.338.258	652.370.661.742
Thu hồi tiền tạm ứng thi công	-	490.000.000.000
Chi phí phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư	8.219.741.648	-
Chi phí phát sinh từ hỗ trợ vốn	2.723.978.081	-
Nhận chuyển nhượng công ty con	-	85.000.000.000
Doanh thu từ cho thuê VP	2.256.445.508	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	942.500.000.000	995.931.692.130
Thu hồi vốn góp hợp tác đầu tư	596.312.315.000	522.005.867.482
Thu hồi vốn góp hợp tác đầu tư thông qua cản trừ công nợ	-	489.928.002.882
Nhận vốn góp hợp tác đầu tư dự án	524.000.000.000	96.150.000.000
Nhận vốn góp hợp tác đầu tư dự án thông qua cản trừ công nợ	-	802.664.068.524
Hoàn trả vốn góp hợp tác đầu tư	670.814.068.524	752.000.000.000
Lợi nhuận phát sinh từ hợp tác đầu tư	54.168.594.040	-
Chi phí phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư dự án	2.433.522.368	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội		
Hoàn trả tiền hỗ trợ vốn thông qua cản trừ công nợ	-	400.000.000.000
Doanh thu từ cho thuê xe	277.777.776	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh địa ốc Lữ Gia		
Hoàn trả tiền hỗ trợ vốn thông qua cản trừ công nợ	-	400.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ		
Chi phí thuê văn phòng, tiệc ích khác	3.851.623.094	3.620.579.507
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Sản xuất Hùng Thanh		
Chi phí thuê văn phòng và các dịch vụ khác	-	2.535.772.769
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ CII		
Nhận hỗ trợ vốn thông qua cản trừ công nợ	940.000.000.000	-
Chi phí phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư dự án	4.944.657.534	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay thuyết minh trong Báo cáo tài chính này.



Nguyễn Trần Phương Uyên
Người lập biểu



Nguyễn Văn Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 22 tháng 01 năm 2025